

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà nội cấp, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 22/05/2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên
Ông Lê Mạnh Hiệp	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Trường	Ủy viên
Ông Đỗ Ngọc Cương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Thị Lê	Trưởng ban
Ông Tăng Thành Long	Thành viên
Bà Đoàn Thị Minh Phương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được lập ngày 20 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2018, số dư công nợ phải thu khách hàng và phải trả nhà cung cấp của Công ty chưa được khẳng định với số tiền tương ứng là 19,6 tỷ đồng và 6,5 tỷ đồng. Điều này dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty. Các vấn đề này chưa được Tổng Công ty khắc phục triệt để trong năm nay, do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, cụ thể như sau: Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ phải thu khách hàng, phải trả nhà cung cấp và người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2019 với số tiền tương ứng là 16,3 tỷ đồng, 3,1 tỷ đồng và 2,9 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu, phù hợp của số dư các khoản mục "Phải thu khách hàng" (mã số 131), khoản mục "Phải trả người bán" (mã số 311) và khoản mục "Người mua trả tiền trước" (mã số 312) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 - Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2019, một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng với tổng số tiền là 11,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		191.310.096.918	221.531.149.146
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	31.256.726.108	45.820.375.280
111	1. Tiền		29.138.559.467	44.560.105.026
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.118.166.641	1.260.270.254
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		132.753.631.155	138.502.063.516
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	87.981.550.953	99.231.742.846
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.516.381.323	7.119.432.360
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	42.698.434.748	34.593.624.179
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.442.735.869)	(2.442.735.869)
140	IV. Hàng tồn kho	11	27.225.160.780	36.619.701.266
141	1. Hàng tồn kho		27.225.160.780	36.619.701.266
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		74.578.875	589.009.084
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	-	28.152.732
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		29.596.088	536.202.267
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	44.982.787	24.654.085
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		25.414.373.309	27.897.002.367
220	II. Tài sản cố định		18.248.155.633	20.409.293.483
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	18.248.155.633	20.385.634.578
222	- Nguyên giá		52.544.019.894	52.844.672.302
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.295.864.261)	(32.459.037.724)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	23.658.905
228	- Nguyên giá		1.094.660.000	1.094.660.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.094.660.000)	(1.071.001.095)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.394.658.299	5.100.145.465
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.026.658.993	3.732.146.159
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.367.999.306	1.367.999.306
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.771.559.377	2.387.563.419
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	957.518.098	1.573.522.140
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		814.041.279	814.041.279
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		216.724.470.227	249.428.151.513

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		136.648.381.847	166.588.830.635
310	I. Nợ ngắn hạn		132.440.109.546	157.631.429.792
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	14.940.716.236	19.411.881.387
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	6.986.938.330	26.060.996.444
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.258.740.504	9.419.034.140
314	4. Phải trả người lao động		19.629.099.725	28.476.667.631
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	29.634.989.449	26.598.839.649
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	27.234.079.477	26.338.279.517
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	21.586.741.915	17.093.838.892
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.168.803.910	4.231.892.132
330	II. Nợ dài hạn		4.208.272.301	8.957.400.843
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	4.208.272.301	8.957.400.843
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		80.076.088.380	82.839.320.878
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	80.076.088.380	82.839.320.878
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.000.000.000	44.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		356.849.738	356.849.738
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		17.613.171.142	15.953.625.214
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.812.457.107	14.768.674.613
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		2.312.315.342	2.181.491.878
421b	LNST chưa phân phối năm nay		7.500.141.765	12.587.182.735
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		8.293.610.393	7.760.171.313
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		216.724.470.227	249.428.151.513

[Signature]

[Signature]



Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	184.215.090.237	231.075.729.750
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		184.215.090.237	231.075.729.750
11	4. Giá vốn hàng bán	23	153.443.729.549	190.833.392.048
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.771.360.688	40.242.337.702
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	636.788.579	883.211.644
22	7. Chi phí tài chính	25	1.914.873.250	2.108.421.589
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.903.634.742	2.100.920.729
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		294.512.834	(60.396.536)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21.884.565.188	23.478.973.441
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.903.223.663	15.477.757.780
31	12. Thu nhập khác	27	4.619.454.482	2.969.930.779
32	13. Chi phí khác	28	1.152.863.479	431.937.525
40	14. Lợi nhuận khác		3.466.591.003	2.537.993.254
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.369.814.666	18.015.751.034
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	2.229.166.662	3.932.241.068
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>9.140.648.004</u>	<u>14.083.509.966</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		7.500.141.765	12.587.182.735
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.640.506.239	1.496.327.231
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.705	2.861


Phạm Vũ Toàn
Người lập


Phan Kim Yến
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTNăm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.369.814.666	18.015.751.034
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.161.137.850	2.515.459.970
03	- Các khoản dự phòng		-	57.520.369
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.460.576	(48.448.064)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(939.751.413)	(815.730.681)
06	- Chi phí lãi vay		1.903.634.742	2.100.920.729
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.498.296.421	21.825.473.357
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6.234.709.838	(23.950.697.750)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		9.394.540.486	5.169.575.624
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		(33.629.123.016)	39.588.424.920
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		644.156.774	(1.144.927.470)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.912.478.761)	(2.146.194.857)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.247.909.311)	(3.051.347.770)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		37.880.000	3.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.890.240.479)	(3.408.009.492)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.870.168.048)	32.885.296.562
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(455.709.091)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		8.450.000	40.909.091
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(346.215.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		636.788.579	834.763.580
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		645.238.579	73.748.580
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		24.081.776.498	17.121.574.217
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(19.588.873.475)	(28.033.590.003)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.828.162.150)	(6.736.897.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.335.259.127)	(17.648.913.536)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(14.560.188.596)	15.310.131.606
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		45.820.375.280	30.461.795.610
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.460.576)	48.448.064
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>31.256.726.108</u>	<u>45.820.375.280</u>

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yên
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 22/05/2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 44.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng, thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Kinh doanh khách sạn, cho thuê bất động sản, văn phòng;
- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;
- Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**Cấu trúc Tập đoàn****- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3 (HEC 3)	Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	58,80%	58,80%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	50,65%	50,65%	Tư vấn, thiết kế xây dựng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, số tiền khách hàng trả trước cho công trình thực hiện trong nhiều năm.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Mặt khác, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	4.433.966.302	7.151.845.054
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽¹⁾	24.704.593.165	37.408.259.972
Các khoản tương đương tiền ⁽²⁾	2.118.166.641	1.260.270.254
	<u>31.256.726.108</u>	<u>45.820.375.280</u>

(1) Trong đó, khoản tiền gửi không kỳ hạn dùng để đảm bảo các khoản vay với số tiền là 98.896,8 USD, tương đương 2.289.418.208 VNĐ.

(2) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 2.118.166.641 VNĐ được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 4,3%/năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN
a) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2019		01/01/2019		Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	VND
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết		
Đầu tư vào công ty liên kết						
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%	2.644.610.577	2.638.927.309
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	76,92%	40,00%	76,92%	40,00%	1.382.048.416	1.093.218.850
					4.026.658.993	3.732.146.159

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 35.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương (*)	1.367.999.306	-	1.367.999.306	-
	1.367.999.306	-	1.367.999.306	-

(*) Công ty có khoản đầu tư khác vào Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 18,9%. Công ty được thành lập tại Hà Nội và hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, khảo sát xây dựng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	16.237.037.000	-	15.954.277.000	-
- Ban Quản lý Dự án Sông Tích	3.108.167.000	-	3.108.167.000	-
- Công ty TNHH MTV XDCT 507 tại Quảng Ninh	642.931.000	-	1.632.931.000	-
- Ban Quản lý dự án NN&PTNT Phú Thọ	2.804.086.000	-	3.104.086.000	-
- Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 2	-	-	3.221.366.000	-
- Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8	-	-	454.817.000	-
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	-	-	253.890.000	-
- Sở NN & PTNT Thanh Hoá	4.451.204.699	-	6.830.233.699	-
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông TP.Hà Nội	2.224.708.600	-	-	-
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi	2.615.650.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	55.897.766.654	(637.500.000)	64.671.975.147	(637.500.000)
	87.981.550.953	(637.500.000)	99.231.742.846	(637.500.000)

Trong đó, tổng số công nợ đã quá hạn thanh toán là 11,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Tổng Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Tổng Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng số 2	1.554.614.000	-	2.779.980.000	-
- Trả trước cho người bán khác	2.961.767.323	-	4.339.452.360	-
	4.516.381.323	-	7.119.432.360	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	1.554.614.000	-	2.779.980.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu người lao động	-	-	1.241.406.260	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	78.581.378	-	20.309.248	-
Tạm ứng	34.650.503.928	-	25.411.954.003	-
Phải thu người lao động thuế TNCN	469.944.348	-	104.231.135	-
Bảo hiểm xã hội của người lao động	453.477.544	-	937.050.490	-
Phải thu Công ty Cổ phần Cơ khí	1.805.235.869	(1.805.235.869)	1.805.235.869	(1.805.235.869)
Phải thu khác	5.240.691.681	-	5.073.437.174	-
	42.698.434.748	(1.805.235.869)	34.593.624.179	(1.805.235.869)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Cơ khí	1.805.235.869	-	1.805.235.869	-
- Công ty Cổ phần Licogi 17	637.500.000	-	637.500.000	-
	2.442.735.869	-	2.442.735.869	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	23.407.740.472	14.636.480.878	13.269.138.520	1.313.689.218	217.623.214	52.844.672.302
- Thanh lý, nhượng bán	-	(111.339.288)	(189.313.120)	-	-	(300.652.408)
Số dư cuối năm	23.407.740.472	14.525.141.590	13.079.825.400	1.313.689.218	217.623.214	52.544.019.894
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.828.793.469	9.232.478.268	10.057.793.294	1.122.349.479	217.623.214	32.459.037.724
- Khấu hao trong năm	615.762.584	447.253.300	1.028.125.621	46.337.440	-	2.137.478.945
- Thanh lý, nhượng bán	-	(111.339.288)	(189.313.120)	-	-	(300.652.408)
Số dư cuối năm	12.444.556.053	9.568.392.280	10.896.605.795	1.168.686.919	217.623.214	34.295.864.261
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	11.578.947.003	5.404.002.610	3.211.345.226	191.339.739	-	20.385.634.578
Tại ngày cuối năm	10.963.184.419	4.956.749.310	2.183.219.605	145.002.299	-	18.248.155.633

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.818.791.693 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.211.920.142 đồng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá là 1.094.660.000 VND, hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2019 là 1.094.660.000 VND. Trong đó giá trị khấu hao trong năm là 23.658.905 VND.

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.376.320.387	-	1.125.581.537	-
Công cụ, dụng cụ	282.982.676	-	274.945.623	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.565.857.717	-	35.219.174.106	-
	27.225.160.780	-	36.619.701.266	-

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	28.152.732
	-	28.152.732
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	451.498.103	823.859.910
Công cụ dụng cụ xuất dùng	506.019.995	749.662.230
	957.518.098	1.573.522.140

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai	449.250.000	449.250.000
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng giao thông Quảng Ngãi	-	11.500.000.000
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hoá	1.265.000.000	1.140.000.000
Ban QLDA tỉnh Hà Tĩnh - Giám sát Linh Cảm	1.000.000.000	-
Các khoản người mua trả trước khác	4.272.688.330	12.971.746.444
	6.986.938.330	26.060.996.444

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I	2.992.340.000	2.992.340.000	184.190.000	184.190.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thanh Hóa	-	-	629.302.000	629.302.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Ninh	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	2.149.371.000	2.149.371.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	7.753.911.236	7.753.911.236	16.553.295.387	16.553.295.387
	14.940.716.236	14.940.716.236	19.411.881.387	19.411.881.387
Phải trả người bán là các bên liên quan	2.622.787.000	2.622.787.000	-	-

(Xem chi tiết tại thuyết minh số 35)

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		6.230.992.853		11.313.902.539		11.830.306.607		-		5.714.588.785	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		2.352.664.860		2.310.834.907		3.247.909.311		-		1.415.590.456	
Thuế Thu nhập cá nhân	4.654.085		552.847.563		1.731.294.155		1.458.318.421		24.863.187		846.032.399	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		239.548.683		2.905.291.299		2.905.291.299		-		239.548.683	
Các loại thuế khác	20.000.000		42.980.181		19.937.628		20.057.228		20.119.600		42.980.181	
	24.654.085		9.419.034.140		18.281.260.528		19.461.882.866		44.982.787		8.258.740.504	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	33.101.000	41.945.019
- Chi phí trích trước thầu phụ các công trình	29.583.706.631	26.538.712.812
- Chi phí phải trả khác	18.181.818	18.181.818
	29.634.989.449	26.598.839.649

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	1.089.272.756	1.636.090.934
- Doanh thu nhận trước công trình	3.118.999.545	7.321.309.909
	4.208.272.301	8.957.400.843

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	2.292.126.757	2.343.329.315
- Bảo hiểm xã hội	320.688.582	2.049.326.801
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.272.192.868	1.067.415.018
- Quỹ đóng góp của cán bộ nhân viên	5.485.667.220	4.814.833.666
- Phải trả chi phí giám sát tác giả	3.231.969.000	3.591.069.000
- Phải trả Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công trình thủy lợi Bình Thuận	1.041.639.355	-
- Phải trả tiền bảo hiểm các công trình	517.208.001	728.161.093
- Các khoản tiền vay phải trả cán bộ nhân viên	8.878.374.683	8.591.744.519
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.194.213.011	3.152.400.105
	27.234.079.477	26.338.279.517

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPC

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	14.402.838.892	14.402.838.892	19.934.619.664	14.402.838.892	19.934.619.664	19.934.619.664
- Vay cá nhân ⁽²⁾	2.691.000.000	2.691.000.000	4.147.156.834	5.186.034.583	1.652.122.251	2.002.122.251
	17.093.838.892	17.093.838.892	24.081.776.498	19.588.873.475	21.586.741.915	21.936.741.915

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng:

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/CTD/VCBHN-TVTL ngày 12/8/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 35 tỷ;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

+ Thời hạn của hợp đồng: 09 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo từng Giấy nhận nợ). Tổng thời hạn cho vay của Hợp đồng tín dụng này bằng thời hạn rút vốn cộng với thời hạn cho vay tối đa của Giấy nhận nợ;

+ Lãi suất cho vay: Lãi suất tại thời điểm 31/12/2019 là 8,5%/năm;

+ Số dư vay tại thời điểm 31/12/2019: 19.934.619.664 đồng;

+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cầm cố tài khoản tiền gửi không kỳ hạn USD tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cầm cố số 01/14/VCBHN-HEC ngày 04/04/2014 ký giữa Ngân hàng và Công ty; Sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS762802 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.Hà Nội cấp ngày 29/10/2015; Thế chấp quyền tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 02.2018.HDTC.VCBHN-HEC ngày 18/12/2018 bao gồm: Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS762802 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.Hà Nội cấp ngày 29/10/2015.

(2) Các khoản vay cá nhân với lãi suất 12%/năm, theo hình thức tín chấp với thời hạn vay là 03 tháng. Số dư tại thời điểm 31/12/2019 là: 1.652.122.251 đồng.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	44.000.000.000	356.849.738	15.282.060.298	8.801.602.305	6.714.184.754	75.154.697.095
Lãi trong năm trước	-	-	-	12.587.182.735	1.496.327.231	14.083.509.966
Phân phối lợi nhuận	-	-	642.000.000	(6.422.296.497)	-	(5.780.296.497)
Phân phối lợi nhuận	-	-	50.929.620	(197.813.930)	(429.521.376)	(576.405.686)
Giảm khác	-	-	(21.364.704)	-	(20.819.296)	(42.184.000)
Số dư cuối năm trước	44.000.000.000	356.849.738	15.953.625.214	14.768.674.613	7.760.171.313	82.839.320.878
Số dư đầu năm nay	44.000.000.000	356.849.738	15.953.625.214	14.768.674.613	7.760.171.313	82.839.320.878
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.500.141.765	1.640.506.239	9.140.648.004
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.104.000.000	(11.040.420.092)	-	(9.936.420.092)
Phân phối lợi nhuận Công ty con	-	-	614.345.928	(1.415.939.179)	(1.065.867.159)	(1.867.460.410)
Giảm khác	-	-	(58.800.000)	-	(41.200.000)	(100.000.000)
Số dư cuối năm nay	44.000.000.000	356.849.738	17.613.171.142	9.812.457.107	8.293.610.393	80.076.088.380

	Công ty mẹ VND	Các công ty con VND	Cộng VND
Phân phối lợi nhuận			
Trích Quỹ đầu tư phát triển	1.104.000.000	1.044.806.000	2.148.806.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.139.000.000	1.414.520.410	2.553.520.410
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	217.420.092	-	217.420.092
Chi trả cổ tức	8.580.000.000	1.021.000.000	9.601.000.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	44.000.000.000	44.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.067.415.018	4.145.968.768
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	9.032.940.000	3.658.344.000
+ Cổ tức, lợi nhuận năm trước tại Công ty mẹ	8.580.000.000	3.300.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tại Công ty con	452.940.000	358.344.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(8.828.162.150)	(6.736.897.750)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận tại Công ty mẹ	(8.375.222.150)	(6.378.553.750)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận tại Công ty con	(452.940.000)	(358.344.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>1.272.192.868</u>	<u>1.067.415.018</u>

c) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.613.171.142	15.953.625.214
	<u>17.613.171.142</u>	<u>15.953.625.214</u>

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Tài sản thuê ngoài**

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 02, ngõ 95 phố Chùa Bộc để sử dụng với mục đích xây dựng làm trụ sở làm việc của Tổng công ty và Công ty In Thủy lợi từ năm 2007 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 2.060 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại thửa đất số 71, thuộc thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào để sử dụng với mục đích xây dựng kho lưu giữ thiết bị, vật tư phục vụ công tác khảo sát và thăm dò địa chất các công trình thủy lợi và dịch vụ sản xuất từ năm 1993 đến năm 2042. Diện tích khu đất thuê là 4.359 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 52 Đống Đa, phường Tân lập, thành phố Nha Trang để sử dụng với mục đích làm văn phòng từ năm 2009 đến năm 2029. Diện tích khu đất thuê là 507 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 100 Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc từ năm 2005 đến năm 2025. Diện tích khu đất thuê là 4.606,7 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

- Công ty ký hợp đồng thuê đất số 279/HĐ - TĐ ngày 14 tháng 04 năm 2004 tại Xã Đình Bảng, Huyện Từ Sơn, Bắc Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc. Diện tích khu đất thuê là 2.905 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	103.860,40	98.873,60

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	184.215.090.237	231.075.729.750
	<u>184.215.090.237</u>	<u>231.075.729.750</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	153.443.729.549	190.833.392.048
	<u>153.443.729.549</u>	<u>190.833.392.048</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	175.652.579	335.663.580
Cổ tức, lợi nhuận được chia	461.136.000	499.100.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	48.448.064
	<u>636.788.579</u>	<u>883.211.644</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.903.634.742	2.100.920.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.460.576	-
Chi phí tài chính khác	7.777.932	7.500.860
	<u>1.914.873.250</u>	<u>2.108.421.589</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	695.546.821	906.553.177
Chi phí nhân công	9.823.400.800	10.238.484.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	502.858.321	818.925.082
Thuế, phí, lệ phí	2.623.933.532	1.711.284.817
Chi phí dự phòng	-	57.520.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.365.191.708	1.615.278.395
Chi phí khác bằng tiền	6.873.634.006	8.130.926.701
	<u>21.884.565.188</u>	<u>23.478.973.441</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.450.000	41.363.637
Tiền cho thuê Văn phòng	3.640.544.506	2.585.843.995
Tiền thu từ đền bù, bồi hoàn	4.000.000	32.000.000
Thu tiền đề tài khoa học	838.095.238	295.238.096
Thu nhập khác	128.364.738	15.485.051
	4.619.454.482	2.969.930.779

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt	257.032.397	69.361.768
Chi phí đề tài khoa học	880.000.000	310.000.000
Chi phí khác	15.831.082	52.575.757
	1.152.863.479	431.937.525

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	1.251.936.145	3.039.921.395
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	187.561.621	198.445.688
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	789.668.896	693.873.985
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.229.166.662	3.932.241.068
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN phải nộp năm nay	81.668.245	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.352.664.860	1.471.771.562
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.247.909.311)	(3.051.347.770)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.415.590.456	2.352.664.860

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	7.500.141.765	12.587.182.735
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.500.141.765	12.587.182.735
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.400.000	4.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.705	2.861

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.078.244.830	14.152.370.146
Chi phí nhân công	68.985.995.251	76.789.083.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.161.137.850	2.515.459.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.692.583.935	70.523.079.081
Chi phí khác bằng tiền	39.757.237.766	45.169.780.594
Chi phí khác bằng tiền	-	57.520.369
	<u>165.675.199.632</u>	<u>209.207.294.006</u>

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.256.726.108	-	45.820.375.280	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	130.679.985.701	(2.442.735.869)	133.825.367.025	(2.442.735.869)
	<u>161.936.711.809</u>	<u>(2.442.735.869)</u>	<u>179.645.742.305</u>	<u>(2.442.735.869)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	21.586.741.915	17.093.838.892
Phải trả người bán, phải trả khác	42.174.795.713	45.750.160.904
Chi phí phải trả	29.634.989.449	26.598.839.649
	<u>93.396.527.077</u>	<u>89.442.839.445</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.256.726.108	-	-	31.256.726.108
Phải thu khách hàng, phải thu khác	128.237.249.832	-	-	128.237.249.832
	<u>159.493.975.940</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>159.493.975.940</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.820.375.280	-	-	45.820.375.280
Phải thu khách hàng, phải thu khác	131.382.631.156	-	-	131.382.631.156
	<u>177.203.006.436</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>177.203.006.436</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	21.586.741.915	-	-	21.586.741.915
Phải trả người bán, phải trả khác	42.174.795.713	-	-	42.174.795.713
Chi phí phải trả	29.634.989.449	-	-	29.634.989.449
	<u>93.396.527.077</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>93.396.527.077</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	17.093.838.892	-	-	17.093.838.892
Phải trả người bán, phải trả khác	45.750.160.904	-	-	45.750.160.904
Chi phí phải trả	26.598.839.649	-	-	26.598.839.649
	<u>89.442.839.445</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>89.442.839.445</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	24.081.776.498	17.121.574.217

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(19.588.873.475)	(28.033.590.003)

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
		VND	VND
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		6.537.675.454	7.163.076.107
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	4.583.701.818	7.163.076.107
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	1.953.973.636	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
		VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp		1.554.614.000	2.779.980.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	1.554.614.000	2.779.980.000
Phải trả người bán ngắn hạn		2.622.787.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	473.416.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	2.149.371.000	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	662.629.000	899.109.667
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.360.688.680	1.457.674.450

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

